



Happy
New Year



2023

Chúc Mừng Năm Mới



Chúc Mừng Năm Mới

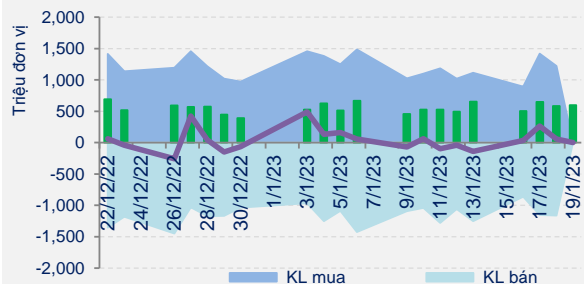
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/1/2023

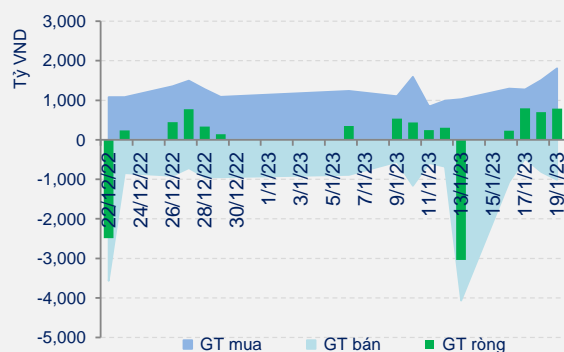
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,108.08	217.73
% Thay đổi	↑ 0.89%	↑ 1.20%
KLGD (CP)	595,482,636	76,727,692
GTGD (tỷ đồng)	11,717.87	1,205.39
Tổng cung (CP)	-	119,822,300
Tổng cầu (CP)	-	113,407,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	32,880,514	554,400
KL mua (CP)	64,308,497	1,414,600
GT mua (tỷ đồng)	1,808.44	36.01
GT bán (tỷ đồng)	1,016.34	13.96
GT ròng (tỷ đồng)	792.09	22.05

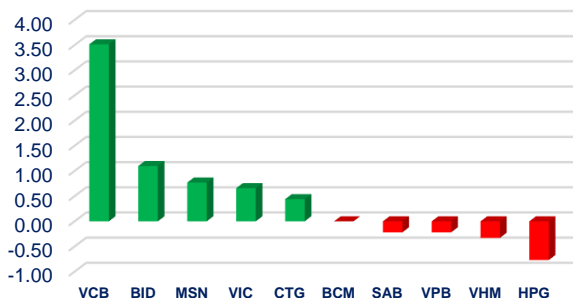
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index kết thúc phiên giao dịch trước nghỉ lễ bằng phiên tăng điểm thứ 7 liên tiếp. Chốt phiên, VN-Index dừng tại mức 1.108,08 điểm tăng 9,80 điểm (+0,89%) với giá trị giao dịch 11.717 tỷ đồng, VN30 dừng tại 1.121,92 điểm, tăng 6,20 điểm (+0,56%), HNX-Index tăng 2,14 điểm (+0,98%) lên mức 219,87 điểm với 1.205 tỷ trao tay, UPCOM tăng 0,44 điểm (+0,60%) lên mức 73,98 điểm.

Ba cổ phiếu VCB (+3,3%), BID (+1,9%), MSN (+2,1%) có tác động tốt nhất tới VN-Index với các mức đóng góp 3,563; 1,079; và 0,750 điểm. Trong khi đó, hai mã HPG (-2,5%) và VHM (-0,6%) có tác động tiêu cực nhất với 0,803 và 0,328 điểm mất đi.

VN-Index giao dịch giằng co và chịu áp lực bán trong hầu hết phiên giao dịch, thậm chí đã có lúc xuống dưới tham chiếu trước khi đảo chiều tăng trở lại vào cuối giờ. Kết phiên, nhóm cổ phiếu ngân hàng thể hiện vai trò trụ cột của thị trường khi đóng góp phần lớn đà tăng, cụ thể như BID (+1,9%), VCB (+3,3%), CTG (+1,1%), ACB (+2,0%).

Xét về mức tăng, cổ phiếu ngành than tiếp tục có phiên bùng nổ thứ 2 với mức tăng 5,80% giá trị vốn hóa, với các cổ phiếu tiêu biểu NBC (+9,0%), TVD (+9,1%), TC6 (+8,2%), TDN (+9,0%), THT (+9,6%)...

Tiếp đó là nhóm bảo hiểm với mức tăng 2,52% giá trị vốn hóa, đóng góp chính vào mức tăng là BVH (+3,1%), theo sau là PVI (+2,0%), VNR (+1,5%)...

Nhóm dịch vụ tài chính, mà cụ thể là các cổ phiếu ngành chứng khoán cũng tăng tích cực với SSI (+3,2%), SHS (+4,2%), VND (+3,7%), HCM (+1,9%), MBS (+2,0%), BVS (+3,2%), VCI (+1,0%)...

Nhiều nhóm ngành khác cũng ghi nhận kết quả giao dịch khả quan như Du lịch và giải trí, Hàng và dịch vụ công nghiệp, Y tế, Bán lẻ, Hóa chất...

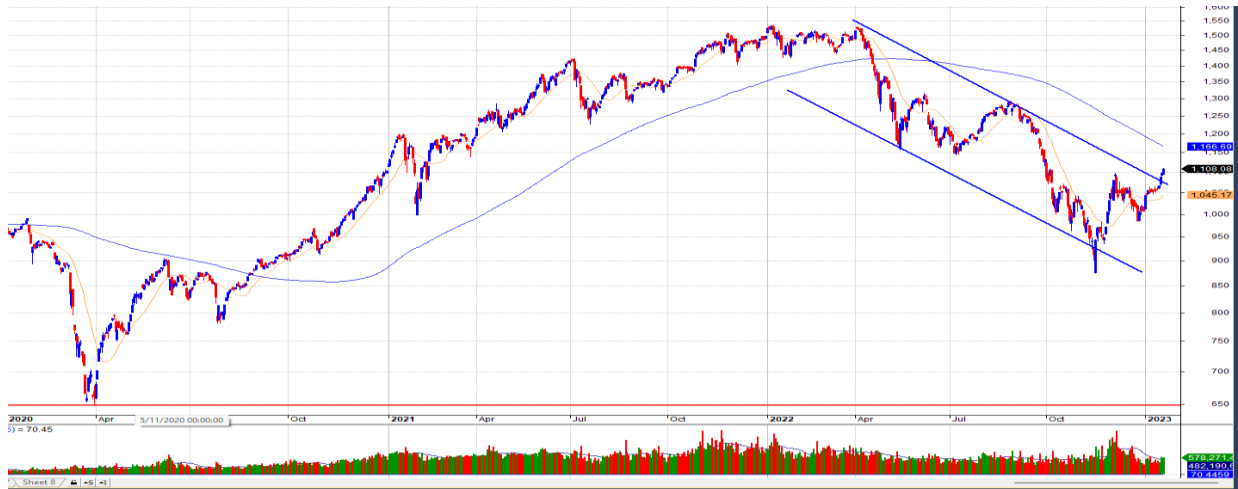
Khối ngoại mua ròng hơn 796,85 tỷ đồng trên sàn HOSE, trong đó SSI và VIC là hai mã được mua ròng nhiều nhất với lần lượt 121,59 tỷ đồng và 73,1 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại mua ròng 26,3 tỷ đồng, trong đó IDC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 10,1 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2023 tăng ít hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó thu hẹp mức chênh lệch âm xuống còn -0,92 điểm. Điều này cho thấy là tâm lý của các trader đã trở nên thận trọng hơn đối với xu hướng của thị trường sau 7 phiên tăng điểm liên tiếp

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/1/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường chốt phiên giao dịch cuối cùng của năm âm lịch 2022 với mức tăng điểm khá tốt khi VNINDEX đóng cửa ở 1.108,08 điểm (+9,8 điểm, +0,89%), khối lượng giao dịch duy trì ở mức trên trung bình 20 phiên. Như vậy sau phiên bứt phá ngày 17/1 thị trường đã có 2 phiên tăng điểm liên tiếp và VNINDEX gần như xác nhận tin cậy thoát khỏi kênh downtrend trung hạn và đem lại kỳ vọng thị trường sẽ tích cực và đem lại nhiều cơ hội hơn cho nhà đầu tư trong năm Quý Mão 2023.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên thứ 3 liên tiếp trong tuần giao dịch cuối cùng của năm âm lịch thị trường tăng điểm mạnh và tạo ra đợt bứt phá tin cậy giúp VNINDEX (VN30) thoát khỏi kênh downtrend trung hạn kéo dài 1 năm qua. Năm giao dịch đầy biến động và rủi ro 2022 đã kết thúc, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng những tín hiệu tích cực thị trường phát đi trong tuần giao dịch cuối cùng này đem lại nhiều kỳ vọng cho một năm 2023 khởi sắc hơn. Chốt phiên VNINDEX đóng cửa ở 1.108,08 điểm (+0,89%) với trạng thái tăng mạnh dần về cuối phiên. Như vậy với việc VNINDEX đã vượt khá xa đường kháng cự của kênh downtrend trung hạn (nay trở thành đường hỗ trợ cho VNINDEX) có thể xác nhận VNINDEX đã bước vào giai đoạn mới mang tính tích lũy để chờ cơ hội tạo uptrend thực sự. Trạng thái thị trường trong thời gian tới mặc dù chưa xác nhận là uptrend nhưng sẽ vận động trong kênh hồi phục và sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư bao gồm ngắn, trung và dài hạn.

Trong ngắn hạn đợt hồi phục hiện tại có thể kỳ vọng VNINDEX hướng tới mốc 1.150 điểm, đợt phục hồi này khá tin cậy bởi 2 yếu tố: Thị trường thoát kênh downtrend và trước thời điểm Break trạng thái vận động của thị trường là tích lũy khá tốt. Giai đoạn hồi phục này là khá tin cậy, các nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân trong các phiên điều chỉnh tiếp theo.

Với góc nhìn trung - dài hạn, cơ hội gia tăng tỷ trọng liên tục xuất hiện trong thời gian qua và chúng tôi cũng đã kịp thời liên tục khuyến nghị nhà đầu tư giải ngân. Thị trường chuyển đổi trạng thái tích cực sẽ còn tạo ra các cơ hội gia tăng tỷ trọng cổ phiếu, các nhà đầu tư trung, dài hạn hoàn toàn có thể gia tăng tỷ trọng trong các đợt điều chỉnh của thị trường. Hướng giải ngân vẫn là tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu dẫn đầu ngành và vẫn duy trì được tăng trưởng lợi nhuận và tiếp tục có kỳ vọng tăng trưởng trong năm tới và tận dụng các phiên thị trường điều chỉnh giảm điểm để giải ngân.

Như vậy năm Nhâm Dần đầy biến động và rủi ro đã kết thúc, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng những tín hiệu tích cực thị trường phát đi trong tuần giao dịch cuối cùng này đem lại nhiều kỳ vọng cho một năm Quý Mão 2023 khởi sắc hơn qua đó mang lại cho nhà đầu tư những cơ hội đầu tư mới. Kết thúc năm Nhâm Dần chúng tôi hy vọng các bản tin của Phòng Phân tích SHS đã giúp ích được các nhà đầu tư có thêm kênh tham khảo giá trị, chúng tôi sẽ còn tiếp tục đồng hành với quý vị khi thị trường trở lại giao dịch sau kỳ nghỉ tết âm lịch.

Chúc các nhà đầu tư một năm mới thành công, hạnh phúc, an khang thịnh vượng !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/1/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	40.00	37-38	45-47	30	6.3	127.9%	150.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	24.30	21.5-23	28-29	20	11.6	-30.6%	-48.2%	Theo dõi chờ giải ngân
ACB	26.00	22-23.5	29-30	21	7.4		70.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HT1	13.30	11-12	14.5-15	10	19.7	117.6%	284.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DBC	16.85	15-16.2	21-22	14	12.0	33.0%	49.5%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	51.10	46-48.5	57-59	43	15.5	36.1%	92.9%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	32.80	30-33	40-42	28	3.8	61.3%	159.4%	Theo dõi chờ giải ngân
FRT	69.50	65-68	82-84	60	13.0	54.4%	78.2%	Theo dõi chờ giải ngân
CTR	58.80	56-58	78-80	52	14.9	35.6%	39.9%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
18/11/2022	PVS	25.00	17.50	26-28	23	42.86%	Nắm giữ
5/12/2022	LPB	14.95	12.40	15-15.5	13.5	20.56%	Nắm giữ
28/12/2022	DPG	35.40	26.55	33-35	31	33.33%	Nắm giữ
1/3/2023	ANV	31.10	23.20	30-31	27	34.05%	Nắm giữ
1/4/2023	IDC	40.00	35.00	45-47	37	14.29%	Nắm giữ
1/6/2023	CLX	13.06	13.10	16.5-17	12	-0.34%	Nắm giữ
1/10/2023	ACB	26.00	23.10	29-30	24	12.55%	Nắm giữ
1/10/2023	EVF	8.39	8.23	10-10.5	7.9	1.94%	Nắm giữ
1/11/2023	HCM	24.30	22.75	28-29	22	6.81%	Nắm giữ
17/1/2023	MBB	19.60	18.80	23-25	18	4.26%	Nắm giữ
18/1/2023	DBC	16.85	15.90	21-22	15	5.97%	Nắm giữ
18/1/2023	GMD	51.10	48.05	57-59	46	6.35%	Nắm giữ
19/1/2023	CSV	32.80	32.20	40-42	29	1.86%	Giải ngân 32.2



TIN VÍ MÔ

Bình Dương có tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp cao nhất cả nước	<p>Tỉnh Bình Dương là địa phương có tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp cao nhất cả nước, đạt trên 95%.</p> <p>Theo Hiệp hội Môi giới bất động sản Việt Nam (VARs), giá thuê đất khu công nghiệp trên cả nước năm 2022 tăng khoảng 10% so với năm 2021. Hiện giá thuê đất khu công nghiệp ở mức 100 - 120 USD/m²/chu kỳ thuê và đang có xu hướng tăng trong năm 2023.</p>
Chuyển nguồn hơn 2 nghìn tỷ đầu tư 95 dự án cho Tổng cục Thuế, Hải quan	<p>Quốc hội cho phép chuyển nguồn số kinh phí này sang năm 2023 để thực hiện đầu tư 95 dự án của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan theo đề xuất của Chính phủ. Thời gian giải ngân đến hết ngày 31/12/2024.</p>
Năm 2023, cần có hướng xử lý áp lực về lạm phát và giải ngân vốn đầu tư công	<p>Nhìn nhận về những thách thức mà nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt trong năm 2023, ông Trần Văn Lâm, Ủy viên Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội, đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang cho rằng, thời gian tới có 2 vấn đề nổi lên là áp lực về lạm phát và giải ngân vốn đầu tư công.</p>
Định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 14-15%	<p>Đây là định hướng được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề ra tại Chi thị 01 vừa được ban hành.</p>
Lạm phát năm 2023 sẽ diễn biến ra sao?	<p>Sụt giảm đơn hàng, khó khăn về dòng tiền, khó tiếp cận nguồn vốn... đang là những nguyên nhân chính khiến phần lớn doanh nghiệp Việt đối diện với tình thế công chênh để duy trì một phần hoạt động, trước khi có thể tính tới việc phục hồi trong thời gian tới.</p>
An ninh kinh tế trong chiến lược phát triển và điểm yếu của Việt Nam	<p>Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và mâu thuẫn địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc, tăng cường an ninh kinh tế đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước và doanh nghiệp...</p> <p>Các biện pháp như chuyển dịch chuỗi cung ứng sang các nước thân thiện và đáng tin cậy (friendshoring ở Mỹ) hay tuần hoàn kép (circulation ở Trung Quốc) sẽ dần dần phân chia nền kinh tế toàn cầu thành hai hệ thống khác nhau. Kinh tế toàn cầu sẽ giảm 5% suất tăng trưởng dài hạn theo ước tính của WTO</p>
Các gói thầu cao tốc Bắc - Nam qua Phú Yên thi công xuyên Tết	<p>Chỉ còn vài ngày nữa là đến Tết Nguyên đán Quý Mão, thế nhưng trên công trường dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam đoạn Chí Thạnh - Vân Phong qua tỉnh Phú Yên, các nhà thầu vẫn đang tập trung nhân lực, máy móc để thi công những hạng mục đầu tiên sau lễ phát động khởi công của Thủ tướng Chính phủ. Việc thi công trên công trường vừa đảm bảo chất lượng vừa đúng tiến độ theo cam kết.</p>
Người có kinh nghiệm nhận tiền lương gấp 3 sinh viên mới ra trường	<p>Theo khảo sát tiền lương năm 2023 mới công bố của Navigos Group, nhân viên có kinh nghiệm (2 năm trở lên) hoặc trở thành chuyên gia có thể nhận lương gấp 3 - 5 lần so với sinh viên mới ra trường.</p>
Các đối tác của Apple mở rộng sản xuất ở Đông Nam Á	<p>Hồi đầu tháng 12/2022, Nikkei Asia đưa tin Foxconn đã âm thầm hoàn tất kế hoạch điều chuyển một số hoạt động sản xuất iPad và MacBook từ Trung Quốc sang Việt Nam.</p>



TIN DOANH NGHIỆP

Hòa Phát lỗ gần 2,000 tỷ trong quý 4/2022, nhận định ngành thép đã qua giai đoạn khó khăn nhất

Quý 4/2022, Tập đoàn Hòa Phát đạt doanh thu 26 ngàn tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước và lỗ sau thuế gần 2 ngàn tỷ đồng, đánh dấu 2 quý lỗ nặng liên tiếp. Lũy kế cả năm 2022, Hòa Phát ghi nhận doanh thu 142 ngàn tỷ đồng, giảm 5% so 2021. Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt hơn 8,400 tỷ đồng, chỉ bằng 24% so với năm 2021.

Bac A Bank: Lãi trước thuế 2022 tăng 18%, nợ xấu giảm 24%

Theo BCTC hợp nhất, Ngân hàng TMCP Bắc Á (Bac A Bank, HNX: BAB) đạt lãi trước thuế năm 2022 gần 1,073 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước. Nợ xấu tại thời điểm cuối năm giảm 24% so với đầu năm.

Cục thi hành án dân sự TPHCM buộc HBC dừng thi hành Nghị quyết 50, 51 và 53

Cụ thể, HBC đã nhận được Quyết định thi hành án chủ động số 1561/QĐ-CTHADS ngày 19/01/2023 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự TPHCM với nội dung: "Buộc CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình tạm dừng thi hành Nghị quyết Số 50/2022/NQ-HĐQT.HBC ngày 14/12/2022, Nghị quyết số 51/2022/NQ-HĐQT HBC ngày 14/12/2022 và Nghị quyết số 53/2022/NO-HĐQT HBC ngày 31/12/2022 của HĐQT CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình, cho đến khi vụ việc được giải quyết bằng quyết định hay phán quyết của Hội đồng Trọng tài".

VPI báo lãi sau thuế tăng 43% trong năm 2022, vượt kế hoạch đề ra

Mới đây, CTCP Đầu tư Văn Phú - Invest (HOSE: VPI) đã công bố báo cáo tài chính với kết quả lãi sau thuế khả quan. Công ty báo lãi sau thuế gần 491.3 tỷ đồng, hoàn thành hơn 114% kế hoạch cả năm.

FPT đặt kế hoạch lãi trước thuế 2023 hơn 9 ngàn tỷ đồng, tăng 18.3%

HĐQT CTCP FPT (HOSE: FPT) đã thông qua nghị quyết phê duyệt kế hoạch năm 2023 để trình cổ đông thông qua với chỉ tiêu lãi trước thuế 9,055 tỷ đồng, tăng 18.3% so với năm trước.

VIX: Quý 4 lỗ ròng 102.6 tỷ đồng, tự doanh giảm mạnh trong năm 2022

CTCP Chứng khoán VIX (HOSE: VIX) có quý 4/2022 không mấy tích cực khi lỗ ròng tới 102.6 tỷ đồng. Cả năm, Công ty báo lãi ròng giảm 58% so với năm trước.

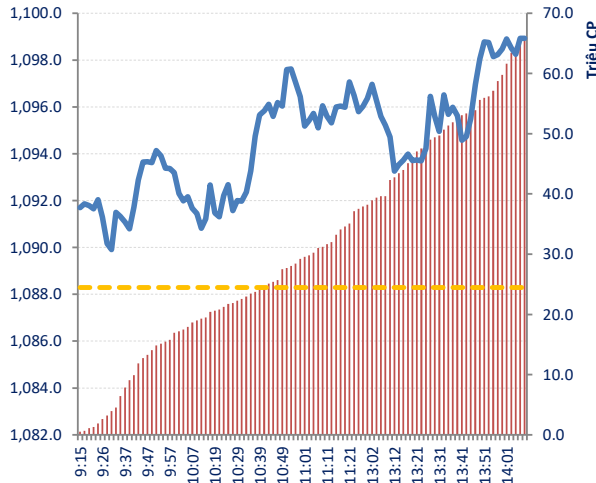
VIB: Tăng thu từ nợ đã xử lý rủi ro, lãi trước thuế 2022 tăng 32%

Theo BCTC hợp nhất vừa công bố, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (HOSE: VIB) báo lãi trước thuế năm 2022 hơn 10,581 tỷ đồng, tăng 32% so với năm trước, nhờ đa dạng nguồn thu và giảm chi phí dự phòng. Năm 2022, nguồn thu chính của VIB tăng 27% so với năm trước, thu được gần 14,963 tỷ đồng.

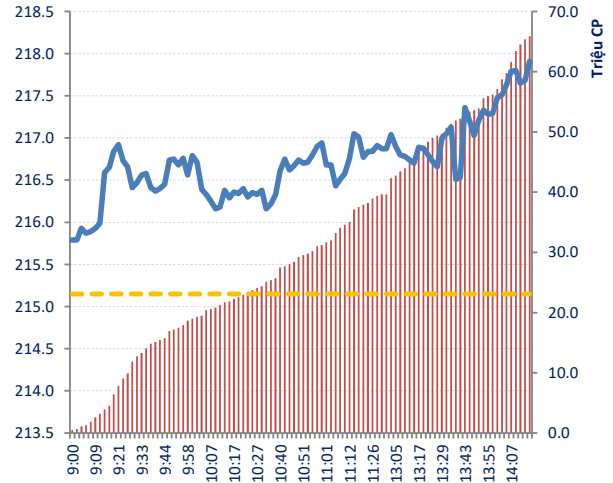


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

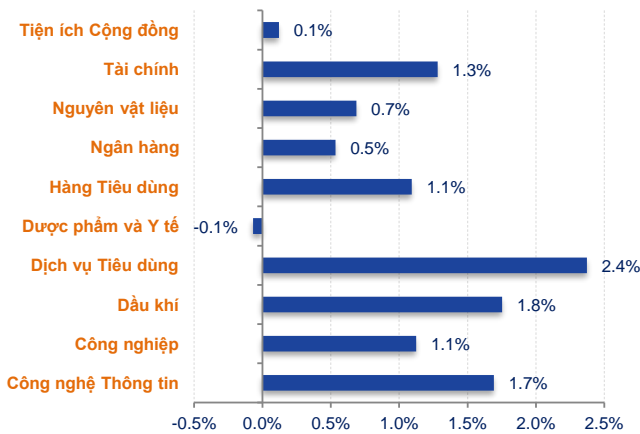
KLGD và VN-Index trong phiên



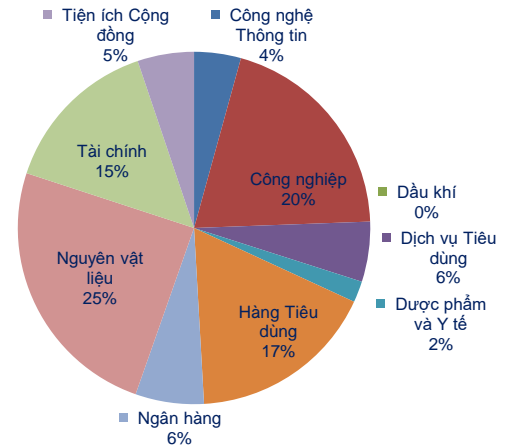
KLGD và HNX-Index trong phiên



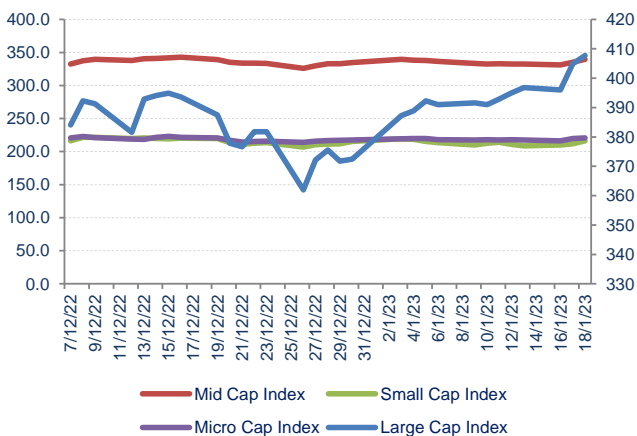
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



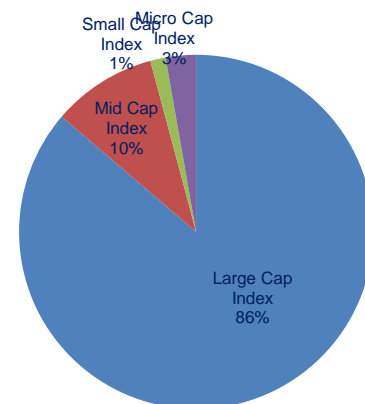
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	5,792,389	HPG	1,540,115	1	IDC	415,600	PVS	188,600
2	VND	3,985,200	KBC	747,901	2	SHS	303,800	HOM	10,000
3	CTG	2,310,300	DXG	555,400	3	CEO	172,400	APS	2,500
4	VRE	1,383,190	DCM	531,800	4	HUT	110,400	TNG	2,100
5	VCG	1,288,180	DGC	514,400	5	NVB	28,300	PVC	1,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	15.90	16.15	↑ 1.57%	26,512,200	SHS	9.60	9.50	↓ -1.04%	16,056,347
HPG	21.65	21.70	↑ 0.23%	26,450,200	CEO	20.50	22.50	↑ 9.76%	13,685,207
VPB	19.60	19.65	↑ 0.26%	26,275,400	PVS	24.00	25.00	↑ 4.17%	9,894,057
HAG	9.07	9.43	↑ 3.97%	22,986,900	TIG	8.20	9.00	↑ 9.76%	3,135,271
SSI	20.40	20.55	↑ 0.74%	19,367,400	IDJ	8.40	9.20	↑ 9.52%	2,951,348

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	7.00	7.49	0.49	↑ 7.00%	API	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
PDN	130.50	139.60	9.10	↑ 6.97%	LBE	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
VAF	8.47	9.06	0.59	↑ 6.97%	TVD	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
ASM	8.93	9.55	0.62	↑ 6.94%	POT	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%
PGD	27.40	29.30	1.90	↑ 6.93%	PCE	25.30	27.80	2.50	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	19.10	17.80	-1.30	↓ -6.81%	NBW	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
TEG	11.05	10.30	-0.75	↓ -6.79%	PRE	19.00	17.20	-1.80	↓ -9.47%
NAV	19.20	17.95	-1.25	↓ -6.51%	HJS	34.90	31.70	-3.20	↓ -9.17%
FDC	22.00	20.60	-1.40	↓ -6.36%	VBC	24.10	21.90	-2.20	↓ -9.13%
HU1	7.41	7.00	-0.41	↓ -5.53%	PGT	3.30	3.00	-0.30	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	26,512,200	17.0%	2,092	7.7	1.3
HPG	26,450,200	18.5%	3,079	7.0	1.3
VPB	26,275,400	19.2%	2,742	7.2	0.9
HAG	22,986,900	21.7%	1,113	8.5	1.8
SSI	19,367,400	14.5%	2,144	9.6	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,056,347	25.5%	975	9.7	0.8
CEO	13,685,207	8.8%	1,210	18.6	1.6
PVS	9,894,057	3.9%	1,045	23.9	0.9
TIG	3,135,271	13.3%	1,845	4.9	0.6
IDJ	2,951,348	11.7%	1,309	7.0	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMA	↑ 7.0%	17.6%	1,796	4.2	0.7
PDN	↑ 7.0%	30.2%	12,642	11.0	3.1
VAF	↑ 7.0%	8.3%	1,036	8.7	0.7
ASM	↑ 6.9%	9.1%	2,148	4.4	0.4
PGD	↑ 6.9%	28.1%	4,586	6.4	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
API	↑ 10.0%	22.0%	2,340	4.2	0.9
LBE	↑ 10.0%	10.1%	1,966	16.8	1.6
TVD	↑ 10.0%	19.9%	2,379	4.2	0.9
POT	↑ 9.9%	4.9%	815	24.5	1.2
PCE	↑ 9.9%	33.3%	7,035	4.0	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	5,792,389	14.5%	2,144	9.6	1.4
VND	3,985,200	17.0%	2,092	7.7	1.3
CTG	2,310,300	15.5%	3,240	9.5	1.4
VRE	1,383,190	6.6%	909	32.2	2.1
VCG	1,288,180	10.7%	2,010	10.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	415,600	36.2%	6,373	6.2	2.1
SHS	303,800	25.5%	975	9.7	0.8
CEO	172,400	8.8%	1,210	18.6	1.6
HUT	110,400	7.5%	886	18.0	1.4
NVB	28,300	-7.5%	(713)	-	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	425,926	22.0%	5,582	16.1	3.3
VHM	228,604	23.5%	7,265	7.2	1.6
BID	228,139	17.5%	3,207	14.1	2.3
VIC	216,250	0.6%	214	264.6	1.6
GAS	199,625	23.9%	7,058	14.8	3.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	18,900	6.8%	1,475	42.7	2.8
THD	14,455	12.6%	2,214	18.7	2.5
IDC	13,035	36.2%	6,373	6.2	2.1
PVS	11,949	3.9%	1,045	23.9	0.9
PVI	11,454	3.8%	1,304	37.5	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ANV	2.92	23.5%	4,883	6.3	1.4
TCD	2.81	17.5%	2,574	2.8	0.5
CMX	2.76	6.3%	876	10.0	0.6
DXS	2.73	4.8%	861	7.7	0.3
DXG	2.72	5.9%	1,380	10.3	0.6

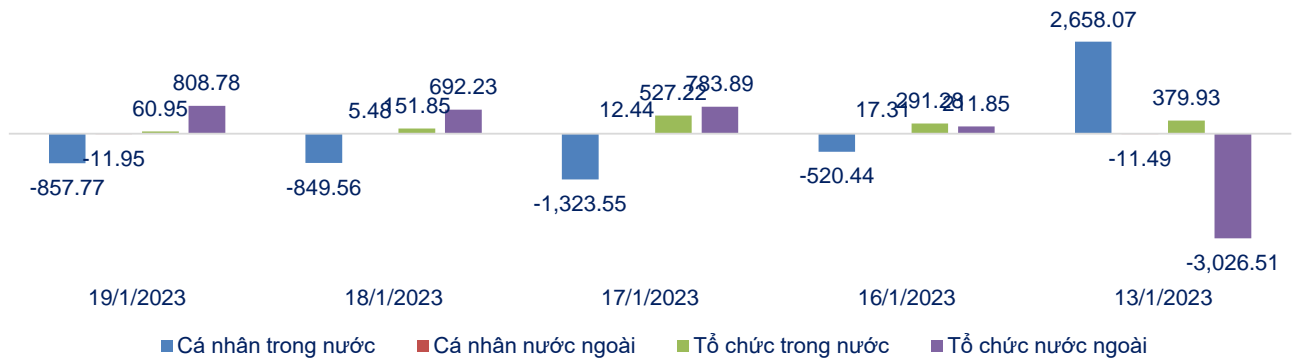
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.87	3.3%	615	92.3	4.3
CEO	3.40	8.8%	1,210	18.6	1.6
APS	3.22	10.4%	1,598	6.7	0.8
IDJ	3.10	11.7%	1,309	7.0	0.8
API	3.01	22.0%	2,340	4.2	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	132.04	18.5%	3,079	7.0	1.3
DGC	29.71	67.9%	15,720	3.8	2.0
PNJ	24.53	23.7%	5,665	15.6	2.6
MSB	20.55	19.2%	2,309	5.8	0.8
DCM	9.80	48.0%	8,231	3.2	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-126.32	14.5%	2,144	9.6	1.4
VIC	-79.66	0.6%	214	264.6	1.6
VND	-74.70	17.0%	2,092	7.7	1.3
CTG	-67.41	15.5%	3,240	9.5	1.4
STB	-64.60	11.6%	2,200	12.2	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4.49	18.5%	3,079	7.0	1.3
NSC	1.06	18.2%	13,455	5.3	1.0
VIX	1.06	9.6%	1,287	5.9	0.6
KBC	0.90	13.1%	2,936	8.7	1.0
DGW	0.74	42.3%	5,279	8.1	3.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-6.43	14.5%	2,144	9.6	1.4
STB	-4.02	11.6%	2,200	12.2	1.4
VCB	-3.48	22.0%	5,582	16.1	3.3
GVR	-1.81	8.1%	1,086	14.7	1.2
IDI	-1.72	18.1%	2,664	5.0	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	35.93	11.6%	2,200	12.2	1.4
MBB	24.40	25.4%	3,876	5.0	1.0
HAH	20.94	37.8%	11,925	3.1	0.9
FPT	20.87	22.8%	4,799	17.4	3.8
EIB	19.74	14.5%	2,223	12.0	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-99.05	18.5%	3,079	7.0	1.3
MSB	-21.52	19.2%	2,309	5.8	0.8
VRE	-15.86	6.6%	909	32.2	2.1
SHB	-13.54	21.0%	2,711	4.1	0.7
POW	-12.96	3.6%	490	24.8	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	127.81	14.5%	2,144	9.6	1.4
VIC	73.00	0.6%	214	264.6	1.6
CTG	71.47	15.5%	3,240	9.5	1.4
VCB	66.02	22.0%	5,582	16.1	3.3
VND	65.63	17.0%	2,092	7.7	1.3

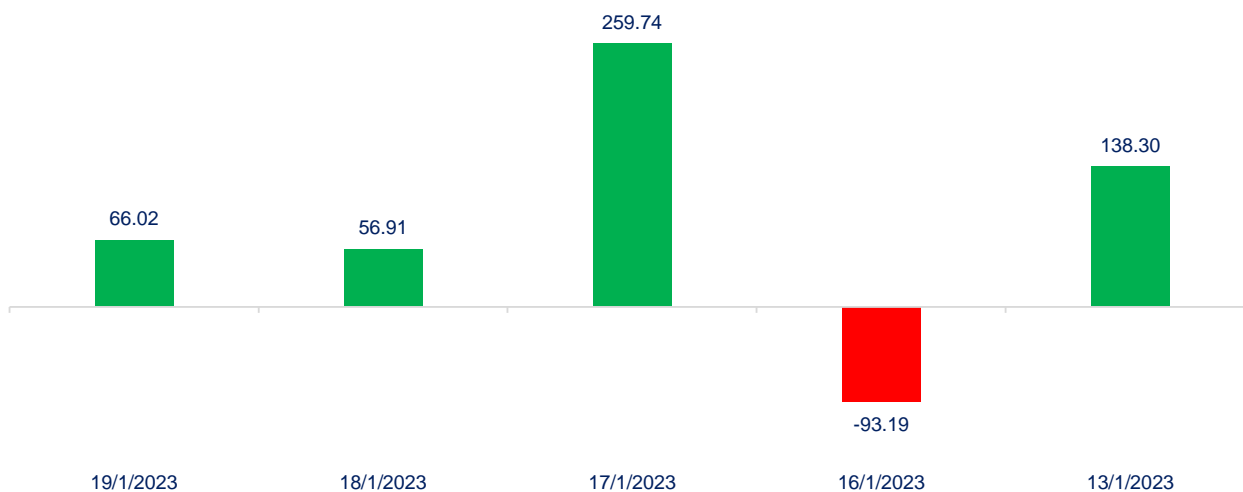
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-37.48	18.5%	3,079	7.0	1.3
DGC	-30.10	67.9%	15,720	3.8	2.0
PNJ	-21.87	23.7%	5,665	15.6	2.6
KBC	-19.79	13.1%	2,936	8.7	1.0
DCM	-14.13	48.0%	8,231	3.2	1.4

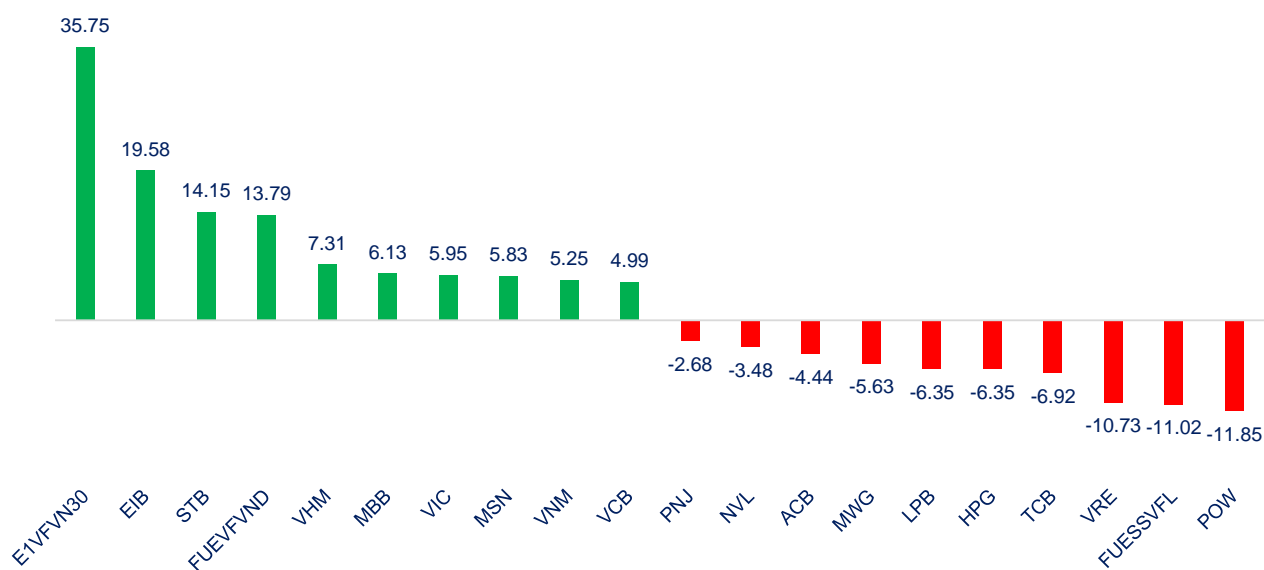


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn